

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**  
☪ ☪

Số: 02-NQ/SASCO-ĐHĐCĐ-2019

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 3 năm 2019

**NGHỊ QUYẾT**

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT**

- Căn cứ Luật doanh nghiệp 68/2014/QH13 được Quốc Hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Tân Sơn Nhất;
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Tân Sơn Nhất ngày 27/3/2019,

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG QUYẾT NGHỊ**

- Điều 1.** Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị về tình hình quản trị Công ty năm 2018.
- Điều 2.** Thông qua Báo cáo của Ban Kiểm soát về hoạt động giám sát Hội đồng quản trị, Ban Điều hành năm 2018.
- Điều 3.** Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2018 như sau:

*Đơn vị tính: triệu đồng*

Chỉ tiêu	TH 2018	TH 2017	KH 2018	% tăng trưởng	% Kế hoạch
Tổng doanh thu thuần	2.825.087	2.515.578	2.625.295	112%	107%
Doanh thu SXKD thuần	2.658.903	2.369.395	2.515.035	112%	106%
Lợi nhuận trước thuế	408.550	353.462	334.292	116%	122%

- Điều 4.** Thông qua Phương hướng hoạt động, kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019.  
Một số chỉ tiêu chính trong kế hoạch kinh doanh như sau:

*Đơn vị tính: triệu đồng*

Chỉ tiêu	Thực hiện 2018	Kế hoạch 2019	% Tăng trưởng
Tổng doanh thu thuần	2.825.087	3.024.202	107%
Doanh thu SXKD thuần	2.658.903	2.858.711	108%
Lợi nhuận trước thuế	408.550	424.990	104%
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)	2.272	2.399	106%

*(\*) Kế hoạch kinh doanh 2019 được xây dựng chưa tính mức tăng lợi nhuận hợp tác kinh doanh phải trả cho Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất*

- Điều 5.** Thông qua Báo cáo về Quỹ thù lao, quỹ lương, tiền thưởng của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2018 như sau: ✓

Đơn vị tính: đồng

Nội dung	Tổng Quỹ
Quỹ thù lao Hội đồng quản trị năm 2018	384.000.000
Quỹ thù lao Ban kiểm soát năm 2018	84.000.000
Quỹ lương Trưởng Ban Kiểm soát chuyên trách, Kiểm soát viên chuyên trách năm 2018	733.863.636
Quỹ thưởng Hội đồng quản trị (không bao gồm Tổng Giám đốc – thành viên Hội đồng quản trị tham gia điều hành) và Ban kiểm soát năm 2018	1.705.567.855
Quỹ thưởng Hội đồng quản trị (không bao gồm Tổng Giám đốc – thành viên Hội đồng quản trị tham gia điều hành) và Ban kiểm soát năm 2017 chưa phân phối chuyển sang	14.401.492

**Điều 6.** Thông qua phương án thù lao/tiền lương, tiền thưởng của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2019 như sau:

6.1. Mức thù lao/tiền lương

TT	Nội dung	Mức hưởng (VNĐ/người/tháng)
1	Thù lao Thành viên Hội đồng quản trị	8.000.000
2	Thù lao Thành viên Ban kiểm soát	5.000.000
3	Tiền lương Trưởng ban kiểm soát chuyên trách (*)	55.000.000
4	Tiền lương Kiểm soát viên chuyên trách (*)	20.000.000

(\*): Nguồn chi từ chi phí của Công ty

6.2. Quỹ thưởng của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát: bằng 0,7% lợi nhuận sau thuế thực hiện năm 2019 khi Công ty thực hiện đạt kế hoạch lợi nhuận được ĐHĐCĐ thông qua.

**Điều 7.** Thông qua việc trình bày lại số liệu Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2017 theo Biên bản thanh tra Bộ Tài chính trong năm 2018 và thông qua phương án giữ nguyên tỷ lệ trích lập các quỹ năm 2017 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại Nghị Quyết số 02-NQ/SASCO-ĐHĐCĐ-2018 ngày 27 tháng 03 năm 2018.

Đơn vị tính: đồng

Nội dung	Số liệu trước điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh	Số điều chỉnh
<b>Bảng cân đối kế toán</b>			
Trả trước cho người bán ngắn hạn	8.119.283.845	9.301.102.025	1.181.818.180
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(61.592.902.440)	(59.274.347.720)	2.318.554.720
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	1.951.037.718	1.347.058.163	(603.979.555)
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	25.207.978.361	25.324.073.386	116.095.025
Thặng dư vốn cổ phần	3.962.620.000	3.862.620.000	(100.000.000)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	178.297.564.112	181.177.862.432	2.880.298.320
<b>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</b>			
Chi phí bán hàng	584.376.443.079	583.194.624.899	(1.181.818.180)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	271.647.978.804	269.229.424.084	(2.418.554.720)



Nội dung	Số liệu trước điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh	Số điều chỉnh
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	55.209.426.130	55.929.500.710	720.074.580
Lợi nhuận sau thuế TNDN	290.321.741.698	293.202.040.018	2.880.298.320
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.957	1.979	22

**Điều 8.** Thông qua Báo cáo tài chính năm 2018 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Deloitte Việt Nam. Một số nội dung cơ bản như sau:

*Đơn vị tính: đồng*

STT	Chỉ tiêu	Số tiền
<b>1</b>	<b>Tổng tài sản</b>	<b>2.213.490.525.464</b>
<b>2</b>	<b>Tổng doanh thu thuần</b>	<b>2.825.087.266.345</b>
3	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.659.307.532.786
4	Các khoản giảm trừ doanh thu	(404.905.009)
5	Doanh thu tài chính	137.725.460.927
6	Thu nhập khác	28.459.177.641
<b>7</b>	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>408.549.990.089</b>
8	Chi phí thuế TNDN hiện hành	66.891.462.991
9	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	544.956.068
<b>10</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	<b>341.113.571.030</b>

**Điều 9.** Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm tài chính 2018 và bổ sung chi trả cổ tức còn lại năm 2017, cụ thể như sau:

*Đơn vị tính: triệu đồng*

STT	Chỉ tiêu	Tỷ lệ	Số tiền
<b>1</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</b>		<b>343.846.347.082</b>
1.1	Lợi nhuận sau thuế còn lại chia cổ tức năm 2017 (*)		2.732.776.052
1.2	Lợi nhuận sau thuế năm 2018		341.113.571.030
<b>2</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế được phân phối</b>		<b>343.194.692.714</b>
<b>2.1</b>	<b>Trích lập các quỹ</b>	<b>11,00%</b>	<b>37.522.492.814</b>
	Trích quỹ khen thưởng	5,50%	18.761.246.407
	Trích quỹ phúc lợi	5,00%	17.055.678.552
	Trích quỹ thưởng HĐQT và BKS	0,50%	1.705.567.855
<b>2.2</b>	<b>Chia cổ tức cổ đông (Tỷ lệ chi trả : 2.290 đồng/ 1 cổ phiếu)</b>	<b>88,90%</b>	<b>305.672.199.900</b>
	Đã tạm ứng chia cổ tức đợt 1 (Tỷ lệ chi trả : 800 đồng/ 1 cổ phiếu)	31,06%	106.785.048.000
	Dự kiến chia cổ tức đợt cuối (Tỷ lệ chi trả : 1.490 đồng/ 1 cổ phiếu)	57,84%	198.887.151.900
<b>3</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối giữ lại</b>	<b>0,19%</b>	<b>651.654.368</b>

(\*) Lợi nhuận còn lại năm 2017 đã được điều chỉnh theo Biên bản thanh tra Bộ Tài chính trong năm 2018. ✓

**Điều 10.** Thông qua phương án tạm ứng cổ tức Đợt 1 năm 2019 như sau:

10.1. Tỷ lệ chi trả cổ tức bằng tiền mặt: 8,00% mệnh giá – mỗi cổ phiếu nhận được 800 đồng.

10.2. Thời gian dự kiến chi trả cổ tức: Quý III/2019.

**Điều 11.** Thông qua việc ủy quyền Hội đồng quản trị tiếp tục lựa chọn Công ty TNHH Deloitte Việt Nam thực hiện soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ, báo cáo tài chính năm của năm tài chính 2019 của Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Tân Sơn Nhất.

**Điều 12.** Thông qua việc bổ sung ngành nghề **Dịch vụ ăn uống khác** – Mã ngành **5629**  
Chi tiết: Dịch vụ cung cấp suất ăn hàng không, dịch vụ cung cấp suất ăn đường sắt

**Điều 13.** Thông qua việc bổ sung nội dung Điều lệ Công ty như sau:

Điều lệ hiện tại	Nội dung bổ sung
<b>Khoản 3, Điều 4. Ngành nghề kinh doanh của Công ty đăng ký.</b>	Bổ sung thêm ngành nghề kinh doanh: <b>Mã ngành 5629 – Dịch vụ ăn uống khác.</b> Chi tiết: - Dịch vụ cung cấp suất ăn hàng không; - Dịch vụ cung cấp suất ăn đường sắt.

(Đính kèm Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Tân Sơn Nhất – sửa đổi, bổ sung lần thứ 4).

**Điều 14. Thông qua việc bầu Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2019 – 2024:**

14.1 05 thành viên Hội đồng quản trị trúng cử:

14.1.1 **Ông Nguyễn Hạnh**

Quốc tịch: Việt Nam

Ngày sinh: 22/05/1951

Nơi sinh: Khánh Hòa

CMND số: 0252660000

Ngày cấp: 23/11/2010

Nơi cấp: Công an TP.HCM

Địa chỉ thường trú: 48 Ngô Quang Huy, Phường Thảo Điền, Quận 2, Tp.HCM.

Trình độ học vấn: Thạc sỹ

Chuyên ngành: Quản trị kinh doanh

14.1.2 **Bà Đoàn Thị Mai Hương**

Quốc tịch: Việt Nam

Sinh ngày: 06/7/1967

Nơi sinh: Hà Nội

Thẻ căn cước công dân: 001167005555

Ngày cấp: 13/6/2016 - Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL Cư trú và DLQG về dân cư

Địa chỉ thường trú : 04 Trường Sơn, Phường 2, Quận Tân Bình, Tp.HCM.

Trình độ học vấn: Cử nhân đại học

Chuyên ngành: Luật Kinh tế, Ngoại ngữ Anh

14.1.3 **Bà Trần Thị Minh Nguyệt**

Quốc tịch: Việt Nam

Ngày sinh: 07/7/1969

Nơi sinh: Hà Nội

Thẻ căn cước công dân số: 001169009314

Ngày cấp: 17/01/2017

Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư



- Địa chỉ thường trú: 12/51 Đào Duy Anh, Phường 9, Quận Phú Nhuận, Tp.HCM.  
Trình độ học vấn: Cử nhân đại học Chuyên ngành: Luật, Ngoại ngữ Anh – Nga
- 14.1.4 **Bà Lê Hồng Thủy Tiên** Quốc tịch: Việt Nam  
Ngày sinh: 11/3/1970 Nơi sinh: An Giang  
CMND số: 022489100 Ngày cấp: 29/7/2011  
Nơi cấp: Công An Tp.HCM
- Địa chỉ thường trú: 48 Ngô Quang Huy, Phường Thảo Điền, Quận 2, Tp.HCM.  
Trình độ học vấn: Cử nhân đại học Chuyên ngành: Kinh tế
- 14.1.5 **Ông Nguyễn Nam Tiến** Quốc tịch: Việt Nam  
Ngày sinh: 03/7/1963 Nơi sinh: An Giang  
CMND số: 020932877 Ngày cấp: 07/03/2011  
Nơi cấp: Công an Tp.HCM
- Địa chỉ thường trú: 3A1 Lam Sơn, Phường 2, Quận Tân Bình, Tp.HCM.  
Trình độ học vấn: Cử nhân đại học Chuyên ngành: Luật
- 14.2 03 thành viên Ban Kiểm soát trúng cử:
- 14.2.1 **Ông Lưu Quốc Hoàng** Quốc tịch: Việt Nam  
Ngày sinh: 03/4/1971 Nơi sinh: Hưng Yên  
CMND số: 024241678 Ngày cấp: 19/10/2011  
Nơi cấp: Công an Tp.HCM
- Địa chỉ thường trú : 151/18 Huỳnh Văn Bánh, P.12, Q.Phú Nhuận, Tp.HCM.  
Trình độ học vấn: Cử nhân đại học Chuyên ngành: Tài chính Kế toán, Anh văn
- 14.2.2 **Bà Trần Thị Thu Trang** Quốc tịch: Việt Nam  
Ngày sinh: 19/01/1986 Nơi sinh: Tp.HCM  
Thẻ căn cước công dân số: 079186006123 Ngày cấp: 23/01/2017  
Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL Cư trú và DLQG về dân cư
- Địa chỉ thường trú : 150/1 Trần Tuấn Khải, Phường 5, Quận 5, Tp.HCM.  
Trình độ học vấn: Cử nhân đại học Chuyên ngành: Kế toán kiểm toán
- 14.2.3 **Ông Chu Khánh Toàn** Quốc tịch: Việt Nam  
Ngày sinh: 15/7/1992 Nơi sinh: Tp.HCM  
CMND số: 024685775 Ngày cấp: 02/4/2007  
Nơi cấp: Công an Tp.HCM
- Địa chỉ thường trú: 54 Giải Phóng, Phường 4, Quận Tân Bình, Tp.HCM.  
Trình độ học vấn: Thạc sĩ tài chính Chuyên ngành: Tài chính doanh nghiệp ✓

**Điều 15. Điều khoản thi hành**

- 15.1. Giao Hội đồng quản trị xây dựng kế hoạch chi tiết, tổ chức triển khai thực hiện các nội dung được Đại hội thông qua tại Nghị quyết này.
- 15.2. Nghị quyết này đã được đọc và thông qua tại Đại hội đồng cổ đông với tỷ lệ biểu quyết 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự đại hội và có hiệu lực kể từ ngày 27 tháng 3 năm 2019. ✓

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**  
Chủ tọa **CHỦ TỊCH HĐQT**  
  
**NGUYỄN HẠNH**

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- UBCKNN, SGDCCKHN, TTLKCK;
- Lưu VT.

